

Số: 3639/QĐ-UBND

Đức Phố, ngày 03 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND thị xã Đức Phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND thị xã Đức Phố phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Văn phòng UBND thị xã, các phòng chuyên môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Sở KHCN (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Minh Vương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ TỈNH QUẢNG NGÃI

Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND thị xã Đức Phổ
phù hợp Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 đối với hoạt động của
UBND thị xã Đức Phổ

(Theo phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 03
tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ)

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Đức Phổ, ngày 03 tháng 12 năm 2020

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *G*



Võ Minh Vương

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
BỔ PHỤ HỢP TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3639/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020
của Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ)



STT

Tên thủ tục hành chính

I. LĨNH VỰC HỘI

1. Công nhận ban vận động thành lập hội
2. Thành lập hội
3. Phê duyệt điều lệ hội
4. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội
5. Đổi tên hội
6. Hội tự giải thể
7. Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội

II. LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

8. Thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo
9. Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện
10. Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện
11. Thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện
12. Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện
13. Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện
14. Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện
15. Thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc

III. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH

16. Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
17. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
18. Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh
19. Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
20. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

IV. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ

21. Đăng ký hợp tác xã
22. Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hợp tác xã
23. Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã
24. Đăng ký khi hợp tác xã chia
25. Đăng ký khi hợp tác xã tách
26. Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất
27. Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập
28. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)
29. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)
30. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)
31. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)
32. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với trường hợp hợp tác xã tự nguyện giải thể)
33. Đăng ký Thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hợp tác xã
34. Thông báo thay đổi nội dung đăng lý hợp tác xã
35. Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã
36. Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hợp tác xã

37. Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX
38. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)
39. Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã

V. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC

40. Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
41. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
42. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
43. Cấp Giấy phép bán lẻ rượu
44. Cấp sửa đổi, bổ sung Cấp Giấy phép bán lẻ rượu
45. Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu
46. Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
47. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
48. Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
49. Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
50. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
51. Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
52. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện
53. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí cho cửa hàng bán lẻ LPG chai
54. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí cho cửa hàng bán lẻ LPG chai
55. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí cho cửa hàng bán lẻ LPG chai
56. Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí cho cửa hàng bán lẻ LPG chai

VI. LĨNH VỰC XÂY DỰNG

- Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh;
57. thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước)
Cấp giấy phép xây dựng (Giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh (*bao gồm công trình hạ tầng kỹ thuật viên thông thụ động*)
58. Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh (*bao gồm công trình hạ tầng kỹ thuật viên thông thụ động*)
59. Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện
60. Thẩm định đô án, đô án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện
61. Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện quản lý
- 62.

VII. LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT

63. Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh

VIII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN

64. Mua quyền hóa đơn
65. Mua hóa đơn lẻ

IX. LĨNH VỰC GIAO THÔNG

66. Đăng ký phương tiện lần đầu đối với với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa
67. Đăng ký phương tiện lần đầu đối với với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa
68. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật
69. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
70. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ sở hữu phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác
71. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện

72. Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện

X. LĨNH VỰC KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

73. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường do UBND cấp huyện quản lý

74. Cấp giấy phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường do UBND cấp huyện quản lý

75. Cấp giấy phép thi công công trình đường bộ trên các tuyến đường do UBND cấp huyện quản lý

76. Chấp thuận và cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ trên các tuyến đường do UBND cấp huyện quản lý

77. Cấp phép thi công công trình thiết yếu trên các tuyến đường do UBND cấp huyện quản lý xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo

78. Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công nút giao của đường nhánh đầu nối vào các tuyến đường do UBND cấp huyện quản lý

79. Cấp giấy phép thi công nút giao của đường nhánh đầu nối vào các tuyến đường do UBND cấp huyện quản lý

XI. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC

80. Cấp bản sao từ sổ gốc

81. Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận

82. Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận

83. Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)

84. Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch

85. Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch

86. Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực

87. Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của phòng Tư pháp

88. Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của phòng Tư pháp

89. Chứng thực đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản

90. Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản

91. Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản

XII. LĨNH VỰC HỘ TỊCH

92. Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài

93. Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài

94. Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài

95. Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài

96. Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài

97. Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài

98. Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài

99. Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc

100. Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài

101. Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài

102. Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)

103. Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài

104. Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân

105. Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài

106. Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài

107. Cấp bản sao trích lục hộ tịch

XIII. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP

108. Cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn

109. Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác tận dụng gỗ trên đất rừng tự nhiên hay chuyển sang trồng cao su của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn

110. Cấp phép khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu thiết yếu của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng
111. Cấp phép khai thác rừng, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng phòng hộ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn
112. Giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân
113. Giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn
114. Thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân
115. Thu hồi rừng của hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện
116. Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư)
117. Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư)

XIV. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

118. Xác nhận đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới
119. Bố trí, ổn định dân cư trong huyện
120. Bố trí, ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh
121. Cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại
122. Cấp đổi Giấy chứng nhận kinh tế trang trại
123. Cấp lại Giấy chứng nhận kinh tế trang trại
124. Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật và dự toán công trình cải tạo đồng ruộng kết hợp tận thu đất sét có diện tích không vượt quá 10.000 m² (01 ha)

XV. LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ

125. Cấp giấy phép kinh doanh karaoke (do cơ quan cấp giấy phép kinh doanh cấp huyện cấp)
126. Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”

- 127. Công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”
- 128. Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”
- 129. Công nhận lần đầu “Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”
- 130. Công nhận lại “phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”
- 131. Xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm
- 132. Xét tặng giấy khen Khu dân cư văn hóa
- 133. Công nhận lần đầu “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, Bản văn hóa” và tương đương
- 134. Công nhận lại “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, Bản văn hóa” và tương đương
- 135. Công nhận lần đầu “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương
- 136. Công nhận lại “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương

XVI. LĨNH VỰC LỄ HỘI

- 137. Đăng ký tổ chức lễ hội
- 138. Thông báo tổ chức lễ hội

XVII. LĨNH VỰC THƯ VIỆN

- 139. Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản

XVIII. LĨNH VỰC GIA ĐÌNH

- 140. Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình
- 141. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình
- 142. Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình
- 143. Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình
- 144. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình
- 145. Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình

XIX. LĨNH VỰC VIỄN THÔNG VÀ INTERNET

- 146. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
- 147. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
- 148. Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
- 149. Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng

XX. LĨNH VỰC XUẤT BẢN

- 150. Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy
- 151. Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy

XXI. LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- 152. Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản
- 153. Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường

XXII. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

- 154. Đăng ký khai thác dưới đất
- 155. Lấy ý kiến UBND cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyên nước từ nguồn nước nội tỉnh

XXIII. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

- 156. Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp huyện
Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (Trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện dự án đầu tư mà phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thủ tục này chỉ thực hiện khi Thủ tướng Chính phủ có văn bản chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có Nghị quyết về việc chuyển mục đích sử dụng đất)
- 157. Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất
- 158. Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân
- 159. Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu

161. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
162. Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
163. Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhận, giấy tờ nhân thân, địa chỉ) ; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên ; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất ; thay đổi về nghĩa vụ tài chính, thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp giấy chứng nhận.
164. Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề.
165. Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế
166. Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu
167. Tách thửa hoặc hợp thửa đất
168. Cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
169. Đính chính giấy chứng nhận đã cấp
170. Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện
171. Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu
172. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
173. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất
174. Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp
175. Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý
176. Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở
177. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất ; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng
178. Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm

179. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tổng các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình vào doanh nghiệp tư nhân.
180. Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất
181. Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất
182. Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền (xác định lại diện tích đất ở)
183. Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân
184. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

XXIV. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM

185. Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)
186. Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai
187. Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận
188. Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu
189. Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký
190. Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký
191. Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
192. Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở
193. Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

XXV. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

194. Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục

195. Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục
196. Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học
197. Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)
198. Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại
199. Thành lập trung tâm học tập cộng đồng
200. Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động giáo dục trở lại
201. Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục
202. Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục
203. Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở
204. Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại
205. Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)
206. Thành lập lớp năng khiếu thể dục thể thao thuộc trường trường tiểu học, trường trung học cơ sở
207. Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục
208. Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục
209. Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập
210. Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập
211. Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở
212. Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ
213. Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)
214. Cho phép trường mẫu giáo, mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại
215. Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú
216. Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục

- 217. Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú
- 218. Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú
- 219. Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục
- 220. Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ
- 221. Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu
- 222. Đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã
- 223. Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm có nội dung thuộc chương trình trung học cơ sở
- 224. Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo
- 225. Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.
- 226. Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người

XXVI. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI

- 227. Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người KT, người khuyết tật mang thai nuôi con dưới 36 tháng tuổi)
- 228. Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
- 229. Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
- 230. Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp
- 231. Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả đối tượng NKT đặc biệt nặng)
- 232. Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)
- 233. Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc
- 234. Hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng
- 235. Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em
- 236. Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc UBND cấp huyện
- 237. Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc UBND cấp huyện

257. Cách chức chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

XXX. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG

258. Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm
259. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)
260. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ
261. Xác nhận Bản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ (không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)
262. Xác nhận Bản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ
263. Cấp lại Bản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ
264. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11/12/2014
265. Cấp đổi giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11/12/2014

XXXI. LĨNH VỰC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

266. Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị
267. Tặng Danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến
268. Tặng Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở
269. Tặng Danh hiệu Lao động tiên tiến
270. Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề
271. Tặng Giấy khen của Chủ tịch cấp huyện về thành tích đợt xuất
272. Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại
273. Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện cho gia đình

XXXII. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

274. Công nhận báo cáo viên pháp luật huyện
275. Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật huyện

XXXIII. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC

- 276. Phục hồi danh dự
- 277. Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại
- 278. Xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường
- 279. Giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính
- 280. Chuyển giao quyết định giải quyết bồi thường
- 281. Trả lại tài sản
- 282. Chi tiền bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính
- 283. Giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần đầu
- 284. Giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần hai

XXXIV. LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, TIẾP CÔNG DÂN VÀ XỬ LÝ ĐƠN

- 285. Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện
- 286. Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện
- 287. Giải quyết tố cáo tại cấp huyện
- 288. Tiếp công dân tại cấp huyện
- 289. Xử lý đơn tại cấp huyện

XXXV. LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG

- 290. Kê khai tài sản, thu nhập
- 291. Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập
- 292. Xác minh tài sản, thu nhập
- 293. Tiếp nhận yêu cầu giải trình
- 294. Thực hiện việc giải trình

XXXVI. LĨNH VỰC ĐẦU THẦU

- 295. Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư

- 296. Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư
- 297. Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu
- 298. Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu

XXXIV. LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI

- 299. Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân
- 300. Hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại trung tâm quản lý sau cai nghiện
- 301. Miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại trung tâm quản lý sau cai nghiện